TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **47**/2017/HNGĐ-ST
Ngày 20/9/2017
V/v: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Thanh Miện.

2/ Ông Nguyễn Xuân Trường.

Thư ký phiên toà: Bà Lê Ngọc Mai- Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Anh- Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 84/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2017/QĐXX- ST ngày 24 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1982 (có mặt).
  Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.
- Bị đơn: Anh Nguyễn Mạo S, sinh năm 1970 (Vắng mặt).
  Địa chỉ: thôn Đ, xã N, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 13/4/2017, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (chị Phạm Thị T) trình bày: chị và anh Nguyễn Mạo Skết hôn có được tự do tìm hiểu, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện H, tinh Bắc Giang ngày 20/01/2010. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh S làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình anh S. Trong quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng bình thường, hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên cãi nhau. Chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ cuối năm 2011, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay, hai bên không còn quan hệ tình cảm, liên lạc gì với nhau nữa. Mâu thuẫn vợ chồng có được gia đình hai bên động viên hòa giải nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh S không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 28/11/2011, hiện nay chị đang trực tiếp nuôi dưỡng, cháu bé vẫn phát

triển bình thường. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị, vì chị xác định đủ điều kiện nuôi con một mình. Hiện nay chị đang làm công nhân, thu nhập hàng tháng là 5 triệu đồng/1 tháng. Hiện nay chị không có thai.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn (anh Nguyễn Mạo S) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nh□ng vẫn vắng mặt, vì vậy không có lời khai trong hồ sơ. Tòa án đã trực tiếp cùng với địa phương về làm việc tại gia đình nhưng anh S vắng mặt, gia đình (ông Nguyễn Mạnh H- là bố đẻ của anh S) cung cấp như sau: Gia đình đã nhận đ- ợc các thông báo, quyết định cũng nh- giấy triệu tập của Tòa án và thông báo, giao lại các giấy tờ của Tòa án cho anh S, nh- ng do anh S hiện đi làm nghề xây dựng ở các nơi, không có nhà th- ờng xuyên, chỉ thỉnh thoảng về nhà lúc nhát lại đi ngay, số điện thoại cũng thường xuyên thay đổi. Vì vậy, gia đình không biết rõ anh S đang làm công trình nào, ở đâu. Khi anh S về nhà, ông H cũng đã báo cho anh S về việc Tòa án có giấy triệu tập lên để giải quyết việc ly hôn giữa anh S và chị T nhưng anh S nói "việc đấy của con thì con lo" nên ông H cũng chỉ biết như vậy. Việc mâu thuẫn giữa vợ chồng anh S, chị T là việc của vợ chồng, gia đình không thể can thiệp được. Hiện nay vợ chồng anh S, chị T đã có một con chung, chị T hiện đang nuôi dưỡng, cháu bé vẫn phát triển bình thường, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 13/4/2017 của chị T đây xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Mạo S (là bị đơn) đã được Toà án triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ 2 nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn có tên nêu trên.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị T và anh S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N , huyện H, Bắc Giang được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của chị T thấy rằng: qua các chứng cứ do các bên xuất trình, lời khai của người làm chứng được biết: vợ chồng chị T, anh S từ khi kết hôn có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng tình cảm vợ chồng đã không duy trì phát triển được và sớm phát sinh mâu thuẫn, xuất phát từ việc hai vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên cãi nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay, đã cắt đứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Thực tế chị T và anh S ly thân đã lâu, không còn quan tâm gì tới nhau nữa, anh Sơn không đến Tòa án để làm việc và tham gia hòa giải, không có ý kiến gì về việc chị T có đơn xin ly hôn anh S. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh S đã phát

triển trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Mạo S là phù hợp. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T xin ly hôn anh Nguyễn Mạo S cần được chấp nhận.

[3]. *Về con chung:* Chị T xác định vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 28/01/2011, hiện nay chị đang trực tiếp nuôi dưỡng, cháu bé vẫn phát triển bình thường. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi chị T và anh S sống ly thân đến nay chị T vẫn trực tiếp nuôi con chung của vợ chồng, cháu bé vẫn phát triển bình thường, anh S không quan tâm chăm sóc gì. Vì vậy, cần giao cho chị T nuôi con chung của vợ chồng là phù hợp với điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Cho nên yêu cầu nuôi con của chị T cần được chấp nhận. Anh S được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Xét việc chị T không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con thấy rằng: việc chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với pháp luật, không trái đạo đức xã hội, vì vậy không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

[5]. *Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác:* chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên không xem xét.

[6]. Về án phí: chị Phạm Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, KSV phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định, bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật. Đại diện VKS đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Mạo S.

Về con chung: Giao chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 28/01/2011. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T cho đến khi đương sự có yêu cầu. Anh S được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001570 ngày 24/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị Phạm Thị T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng

dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Mạo S.

Về con chung: Giao chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 28/01/2011. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T cho đến khi đương sự có yêu cầu. Anh S được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001570 ngày 24/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị Phạm Thị T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- *TAND Tỉnh BG*
- *VKSNDHiệp Hoà*
- *THADS Hiệp Hoà;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã N;*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- chủ toạ phiên toà

Nguyễn Xuân Toàn